TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tư do – Hạnh phúc**

Bản án: 59/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04/ 9/2018
V/v : "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* **Ông Lê Văn Hồng Chinh**

- *Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Ngọc Lợi

2. Ông Nguyễn Phùng Như.

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng:* Không tham gia.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 300/2018/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018, về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXX-ST ngày 15/8/2018 Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Kim T** sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Khu 6, thị trấn R, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Anh Lê Thanh H s**inh năm: 1972.

Địa chỉ: Khu 8, thị trấn R, huyện R, tỉnh Kiên Giang. (các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Nguyễn Kim T trình bày: Chị và anh H kết hôn vào năm 1994, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng nhau lo làm ăn, nhưng dần về sau thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H thường ngược đãi, đánh đập chị, cuộc sống không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị

xét thấy tiếp tục chung sống không có hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 đứa con chung 1/Lê Thị Huỳnh N, sinh năm 1994, 2/ Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 10/5/1996,3/ Lê Đức A, sinh ngày 02/9/2009, cháu N và cháu H đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, cháu Đức A còn nhỏ đang sống với anh H chị đồng ý giao cho anh tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai khai ngày 12/8/2018 và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Thanh H trình bày: lời trình bày của Kim T, về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng.

Còn về nguyên nhân mâu thuẫn thì không đúng, Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian khoảng 05 năm trở lại đây Kim T không sống chung với gia đình, bỏ ra ngoài sống, sống không chung thủy làm cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng hơn, anh đã nhiều lần bỏ qua nhưng Kim T không thay đổi.

Nay yêu cầu Toà án giải quyết:

Về hôn nhân: anh đồng ý ly hôn với Nguyễn Kim T.

Về con chung: Có 03 đứa gồm Lê Thị Huỳnh N, sinh năm 1994, đã có gia đình đã ở riêng; Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 10/5/1996 và Lê Đức A, sinh ngày 02/9/2009, cháu H đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, cháu Đức A từ nhỏ đã sống chung với anh cho đến nay, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu ly hôn với anh H, tự nguyện giao cháu Lê Đức A cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, cháu N và cháu H đã trưởng thành không yêu cầu tòa án xem xét, chị không cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh Lê Thanh H thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị T, anh đồng ý tiếp tục nuôi cháu Đức A, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh H nên tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú tại khu 8, thị trấn R,huyện R nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim T và anh H chung sống như vợ chồng từ năm 1994, nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 điều 9 quy định "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Nên áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Kim T và anh Lê Thanh H là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 03 người con chung gồm: 1/ Lê Thị Huỳnh N, sinh năm 1994, đã có gia đình, 2/ Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 10/5/1996 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, 3/ Lê Đức A sinh ngày 02/9/2009, Chị Kim T tự nguyện giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Mặc khác xét về nguyện vọng của cháu Đức A thì cháu có nguyện vọng xin được sống với cha. Xét thấy, cháu Đức A hiện đang chung sống với anh H, đang phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cháu củng có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh H chị T củng tự nguyện giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H đang có việc làm ổn định, hiện đang là giáo viên của trường tiểu học thị trấn R, huyện R, anh có đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Anh H cũng không yêu cầu cấp dưỡng, khả năng tài chính của anh cũng đảm bảo việc nuôi con nên HĐXX không xem xét buộc chị Kim T phải

cấp dưỡng nuôi con. (*trừ trường hợp thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật).*

Chị Kim T có quyền, nghĩa thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chị Nguyễn Kim T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002785 ngày 03/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14, Điều 81,82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân**:** Xử không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Kim T và anh Lê Thanh H là vợ chồng.

- Về con chung: Anh chị **c**ó 03 người con chung: 1/ Lê Thị Huỳnh N, sinh năm 1994; 2/Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 10/5/1996; 3/ Lê Đức A sinh ngày 02 tháng 9 năm 2009, Cháu H và cháu N đã trưởng thành, Chị Kim T tự nguyện giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đức A cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con (*trừ trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật), chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

- **Về tài sản chung**: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

- **Về nợ chung**: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

- **Về án phí**: Chị Nguyễn Kim T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên

lai thu tiền số 0002785 ngày 03/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho chị T, anh H biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/9/2018).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Hồng Chinh

* Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- UBND thị trấn R;
- Các đương sự;
- Lưu.